

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9 - ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 79/2025/DS-ST
Ngày: 10-9-2025
“V/v Tranh chấp dân sự - Hợp
đồng dịch vụ (bơm tưới)”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - ĐỒNG THÁP

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Kim Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đặng Văn Việt

2. Ông Trần Văn Bé Hai

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phan Thị Bích Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Đồng Tháp.

- *Đại Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 - Đồng Tháp:* Bà Phan Thị Thu Trang – Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 16/2025/TLST- DS ngày 14 tháng 7 năm 2025 về việc “Tranh chấp dân sự - Hợp đồng dịch vụ (bơm tưới)” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2025/QĐXXST-DS **ngày 05 tháng 8 năm 2025** và Quyết định hoãn phiên tòa số: 137/2025/QĐST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Kim P, sinh năm 1970 – Chủ đầu tư ô đê bao số 14 - Ấp A, Ấp B, xã T.

Hộ khẩu thường trú: Ấp C, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã A, tỉnh Đồng Tháp).

Địa chỉ tạm trú: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã B, tỉnh Đồng Tháp)

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Ấp A, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã M, tỉnh Đồng Tháp)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1937

Địa chỉ: Ấp A, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã M, tỉnh Đồng Tháp).

(Bà P, ông H có mặt, bà B vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Kim P, sinh năm 1970 – Chủ đầu tư ô đê bao số 14 - Ấp A, Ấp B, xã T trình bày:

Bà Nguyễn Kim P là chủ đầu tư của Ô bao số 14. Ông Nguyễn Văn H có đất canh tác và sử dụng nước trong ô đê bao của bà P. Diện tích đất của ông H canh tác là 8.800m², tọa lạc tại ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã B, tỉnh Đồng Tháp) do bà Nguyễn Thị B đứng tên quyền sử dụng đất.

Ông H nợ tiền bơm tưới của năm 2019, năm 2020, năm 2022, năm 2024 và năm 2025, cụ thể như sau.

- Năm 2019, diện tích 8.800m² x 25kg lúa = 220kg lúa x 5.500đ = 1.210.000đồng x 03 vụ = 3.630.000 đồng.

- Năm 2020, diện tích 8.800m² x 25kg lúa = 220kg lúa x 6.000đ = 1.320.000đồng x 02 vụ = 2.640.000 đồng.

- Năm 2022, diện tích 8.800m² x 25kg lúa = 220kg lúa x 7.000đ = 1.540.000đồng x 02 vụ = 3.040.000 đồng.

- Năm 2024, diện tích 8.800m² x 25kg lúa = 220kg lúa x 8.700đ = 1.914.000đồng x 03 vụ = 5.742.000 đồng.

- Năm 2025:

+ Vụ Đông Xuân: diện tích 8.800m² x 25kg lúa = 220kg lúa x 6.400đ = 1.408.000 đồng.

+ Vụ Hè Thu: diện tích 8.800m² x 25kg lúa = 220kg lúa x 6.800đ = 1.496.000 đồng.

Tổng cộng số tiền nợ là 17.956.000 đồng, Bà P đã nhiều lần yêu cầu ông H trả tiền bơm tưới để Bà P thanh toán các khoản chi tiêu khác nhưng ông H không trả.

Bà P xác định ông Nguyễn Thanh P1 là người làm thuê của bà P. Ông P1 có thu tiền vụ Hè Thu của ông H. Nên bà P xác định ông H chỉ còn nợ số tiền 16.460.000 đồng.

Bà P khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn H trả cho bà Nguyễn Kim P - Chủ đầu tư ô đê bao số 14 - Ấp A, Ấp B, xã T Trung tiền bơm tưới còn thiếu là 17.956.000đồng.

Tại phiên tòa bà P xin thay đổi yêu cầu khởi kiện: Bà P chỉ yêu cầu ông Nguyễn Văn H trả cho bà Nguyễn Kim P – Chủ đầu tư ô đê bao số 14 - Ấp A, Ấp B, xã T Trung tiền bơm tưới còn thiếu từ năm 2019 đến năm 2025 làm tròn 10.000.000 đồng.

Bà P xác định phần đất ông H đang canh tác là 8.800m² tại Ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã B, tỉnh Đồng Tháp) và không yêu cầu Tòa án xem xét thẩm định hiện trạng. Xác định bà B không có sử dụng dịch vụ nên không yêu cầu bà B liên đới trả nợ.

Theo lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:

Ông Nguyễn Văn H thừa nhận có đang canh tác diện tích trồng lúa khoảng 8.800m². Phần đất này hiện do bà Nguyễn Thị B (mẹ ông H) đang đứng tên, ông H chỉ thuê lại canh tác. Ông H xác định phần đất đang canh tác tại A, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã B, tỉnh Đồng Tháp). Trước đây ông H có vào ô đê bao số 14 ấp A, ấp B, xã T do ông Nguyễn Hoàng S đầu tư. Đến năm 2018 thì ông S sang nhượng là trạm bơm cho bà P. Ông H cũng thống nhất và tiếp tục sử dụng nước do bà P đầu tư để canh tác lúa từ năm 2018 cho đến nay. Từ khi sử dụng nước của bà P bơm tưới thì ông H đều có đóng tiền hàng năm cho bà P đầy đủ, chỉ riêng năm 2024 do 2 bên cự cãi nên ông H không có đóng, năm 2025 thì ông H đóng được 01 vụ, hiện còn nợ 01 vụ.

Những lần đóng tiền thì ông H đều có biên nhận do bà P giao cho, nhưng lâu quá nên ông làm thất lạc nên không cung cấp được cho Tòa án để bảo vệ quyền lợi của mình, chỉ còn biên nhận đóng tiền của năm 2025 và đã nộp cho Tòa án.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà P thì ông H không đồng ý. Ông H chỉ thừa nhận còn nợ bà P số tiền của năm 2024 số tiền là 5.742.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm ông H đồng ý đóng tiền cho bà P số tiền thủy lợi phí còn thiếu từ năm 2019 đến năm 2025 là 10.000.000 đồng.

Ông H thống nhất diện tích đang canh tác là 8.800m² tại A, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã B, tỉnh Đồng Tháp) và không yêu cầu Tòa án xem xét thẩm định hiện trạng.

Bà B chỉ đứng tên trên phần đất ông H đang canh tác, bà B không có canh tác nên bà B không có liên quan gì đối với số tiền bơm tưới mà ông H đang nợ bà P.

Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:

Tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp:

- Đơn xin xác nhận có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã T ngày 19/5/2025
- Đơn đề nghị xác nhận, có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã T ngày 30/10/2024.

Tài liệu chứng cứ do bị đơn cung cấp:

- Phiếu thu ngày 04/4/2025.

Tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập:

- Biên bản lấy lời khai ông H

Đại diện viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 - Đồng Tháp phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Về việc bảo đảm việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như việc chấp hành tốt pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, nên không có kiến nghị.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Kim P - Chủ đầu tư ô tô bao số 14 - Ấp A, Ấp B, xã T số tiền còn nợ là 10.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, xét thấy: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn H trả số tiền tiền thủy lợi phí còn nợ cho bà Nguyễn Kim P - Chủ đầu tư ô tô bao số 14 - Ấp A, Ấp B, xã T nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là “Tranh chấp dân sự - Hợp đồng dịch vụ (bơm tưới)” theo quy định tại Điều 513 của Bộ luật dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết, xét thấy: Tranh chấp dân sự giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn có nơi cư trú tại Ấp A, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã M, tỉnh Đồng Tháp) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Đồng Tháp, tỉnh Đồng Tháp, theo quy định tại khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng:

[3.1] Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị B đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa. Nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3.2] Theo đơn khởi kiện bà Nguyễn Kim P yêu cầu ông Nguyễn Văn H trả cho bà Nguyễn Kim P, sinh năm 1970 – Chủ đầu tư ô tô bao số 14 - Ấp A, Ấp B, xã T Trung tiền bơm tưới còn thiếu là 17.956.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa tại phiên tòa nguyên đơn trình bày xin thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể: bà Nguyễn Kim P yêu cầu ông Nguyễn Văn H trả cho bà Nguyễn Kim P, sinh năm 1970 – Chủ đầu tư ô tô bao số 14 - Ấp A, Ấp B, xã T Trung tiền bơm tưới còn thiếu 10.000.000 đồng

Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với pháp luật nên chấp nhận.

[4] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: bà Nguyễn Kim P khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn H trả cho bà Nguyễn Kim P, sinh năm 1970 – Chủ đầu tư ô tô bao số 14 - Ấp A, Ấp B, xã T Trung tiền bơm tưới còn thiếu là 16.460.000 đồng

Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn H thừa nhận ông có canh tác diện tích đất 8.800m², nằm trong ô bao do bà Nguyễn Kim P – Chủ đầu tư ô tô bao số 14 - Ấp A, Ấp B, xã T bơm tưới. Ông H cũng thống nhất và có sử dụng nước do bà P đầu tư để canh tác lúa từ năm 2018 cho đến nay. Ông H thừa nhận đều có đóng tiền hàng năm cho bà P đầy đủ, chỉ có nợ tiền thủy lợi phí năm 2024 và 01 vụ của năm 2025.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Kim P chỉ yêu cầu ông H trả số tiền còn nợ làm tròn là 10.000.000 đồng và ông H cũng thống nhất trả cho bà P số tiền này nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của ông H.

[5] Về án phí:

Ông Nguyễn Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 500.000 đồng.

Bà Nguyễn Kim P không phải chịu án phí nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 449.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000049 ngày 10/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

[6] Xét thấy, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận (như nhận định trên).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào các Điều 429, 513, 515, 519 của Bộ luật Dân sự 2015;

Điều 26, Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Kim P – Chủ đầu tư ô tô bao số 14 - Ấp A, Ấp B, xã T số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí:

Ông Nguyễn Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 500.000 đồng.

Bà Nguyễn Kim P Chủ đầu tư ô tô bao số 14 - Ấp A, Ấp B, xã T không phải chịu án phí nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 449.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000049 ngày 10/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp

4. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo

quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND KV 9;
- TAND Tỉnh;
- THA DS Tỉnh
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Võ Thị Kim Hoa